

Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao trong phát triển nền kinh tế tri thức ở Việt Nam hiện nay

PGS, TS. TRẦN THANH GIANG

Học viện Báo chí và Tuyên truyền; Email: giangttvnu@gmail.com

Nhận ngày 1 tháng 9 năm 2024; chấp nhận đăng tháng 10 năm 2024.

Tóm tắt: Việt Nam đang trong thời kỳ đổi mới mạnh mẽ và hội nhập sâu, rộng nền kinh tế quốc tế. Muốn khẳng định được vai trò và vị thế trên trường quốc tế, đảm bảo thực hiện thắng lợi mục tiêu kinh tế - xã hội theo tinh thần Nghị quyết Đại hội XIII đề ra: "Phấn đấu đến năm 2030, là nước đang phát triển có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao... đến năm 2045 trở thành nước phát triển, thu nhập cao"⁽¹⁾. Đảng ta xác định phát triển kinh tế tri thức là xu hướng tất yếu. Để tiếp cận và phát triển nền kinh tế tri thức, đòi hỏi phải phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao. Đây là động lực chủ yếu đồng thời cũng là yếu tố đóng vai trò quyết định trong phát triển nền kinh tế tri thức ở Việt Nam hiện nay.

Từ khóa: nguồn nhân lực; chất lượng cao; kinh tế tri thức; Việt Nam.

Abstract: Vietnam is undergoing a period of strong reform and deep international economic integration. To affirm its role and position on the global stage and ensure the successful realization of socio-economic goals set forth in the spirit of the 13th National Congress Resolution, which states: "Striving by 2030 to be a developing country with a modernized industry and upper-middle income... and by 2045 to become a developed, high-income country"⁽¹⁾, the Party has identified the development of a knowledge economy as an inevitable trend. Accessing and developing a knowledge economy requires the cultivation of a high-quality workforce. This is both a primary driver and a decisive factor in developing the knowledge economy in Vietnam today.

Keywords: workforce; high-quality; knowledge economy; Vietnam.

1. Đặt vấn đề

Văn kiện Đại hội XI của Đảng ta nêu rõ: "Nguồn nhân lực chất lượng cao là bộ phận ưu tú nhất của nguồn nhân lực đất nước, bao gồm những người tiêu biểu về phẩm chất chính trị, đạo đức và lối sống; có trình độ học vấn, chuyên môn cao; có sức khỏe tốt; luôn đi đầu trong lao động, sáng tạo khoa học, đóng góp tích cực, hiệu quả vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc"⁽²⁾. Nguồn nhân lực chất lượng cao là yếu tố quyết định thúc đẩy kinh tế, xã hội tăng trưởng nhanh, bền vững giúp chúng ta rút ngắn khoảng cách tụt hậu; đẩy mạnh nghiên cứu, triển khai ứng dụng khoa học - công nghệ; cơ cấu lại nền kinh tế, chuyển đổi mô

hình tăng trưởng; là động lực chủ yếu tiếp cận và phát triển nền kinh tế tri thức.

Kinh tế tri thức là nền kinh tế được phát triển chủ yếu dựa vào tri thức và công nghệ hiện đại. Trong nền kinh tế tri thức, việc sản xuất, phân phối và sử dụng tri thức giữ vai trò quyết định đối với sự phát triển kinh tế, xã hội, tạo ra của cải, nâng cao chất lượng cuộc sống. Cơ sở của nền kinh tế tri thức là tri thức thể hiện trong con người và trong công nghệ... Sự ra đời và phát triển của nền kinh tế tri thức là kết quả tất yếu của quá trình phát triển lực lượng sản xuất. Nó được thúc đẩy bởi sự phát triển mạnh mẽ của cách mạng khoa học - công nghệ tiên tiến hiện đại, nhất là cuộc Cách mạng

công nghiệp 4.0 với sự phát triển nhanh, mang tính đột phá của công nghệ thông tin.

Trong nền kinh tế tri thức nguồn nhân lực cao có vai trò: nắm bắt và định hướng quá trình hình thành và phát triển kinh tế xã hội; ứng dụng và triển khai tri thức hiện đại để phục vụ phát triển kinh tế - xã hội; sáng tạo tri thức hiện đại để hình thành nền tảng tri thức tiên tiến.

Phát triển và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực chất lượng cao được coi là một đột phá chiến lược, đáp ứng yêu cầu hội nhập, đảm bảo phát triển bền vững đất nước. Muốn xây dựng nguồn nhân lực chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa cần phát huy vai trò của các cấp, các ngành và của cả hệ thống chính trị.

2. Khái quát thực trạng phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao của Việt Nam hiện nay

Sau gần 40 năm tiến hành công cuộc đổi mới kể từ Đại hội VI của Đảng (năm 1986) đến nay, nguồn nhân lực của Việt Nam đã có những bước chuyển mạnh mẽ. Việt Nam đã có nhiều chính sách về phát triển nguồn nhân lực và đạt được những kết quả quan trọng:

Về số lượng

Việt Nam có lợi thế là đang ở thời kỳ cơ cấu dân số vàng. Cơ cấu dân số vàng có nghĩa là dân số có khả năng lao động (trong độ tuổi từ 15 đến 64) chiếm tỷ lệ cao, điều đó có nghĩa là chúng ta có lợi thế lao động trẻ, trình độ ngày càng nâng cao. Thông tin từ Tổng cục Thống kê ngày 29/12/2023 đưa ra, dân số của Việt Nam tính đến hết năm 2023 ước tính khoảng 100,3 triệu người. Lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên đạt 52,4 triệu người, tăng 671,1 nghìn người so với năm 2022; lao động có việc làm trong các ngành kinh tế là 51,3 triệu người, tăng 682,3 nghìn người. Nguồn nhân lực có cơ cấu trẻ với hơn một nửa là thanh niên trong độ tuổi từ 15 đến 30, chiếm khoảng 60% số lao động của cả nước⁽³⁾. Trong những năm gần đây, lao động ở Việt Nam liên tục tăng trưởng, có sự chuyển dịch từ nhóm lao động đơn giản sang nhóm có trình độ cao. Tỷ lệ lao động từ 15 tuổi trở lên hiện đang có việc làm đã qua đào tạo tính

chung đến năm 2023 là khoảng 14,1 triệu người, tăng 0,5 triệu người so với năm 2022⁽⁴⁾.

Về chất lượng

Chất lượng nguồn nhân lực được đánh giá qua ba tiêu chí: trí lực, thể lực và tâm lực. Về trí lực, những năm qua, tỷ lệ lao động đã qua đào tạo không ngừng tăng lên, chất lượng nguồn nhân lực Việt Nam nhờ đó cũng được cải thiện. Đặc biệt trong những năm gần đây, nguồn nhân lực trình độ đại học tăng nhanh. Tính đến hết năm 2023 tỷ lệ lao động trong độ tuổi lao động đã qua đào tạo là 27,2% tổng lực lượng lao động của cả nước⁽⁵⁾.

Năm 2022, theo Bộ Khoa học và Công nghệ cả nước có 187.298 lao động khoa học và công nghệ là thành phần quan trọng cấu tạo lên nguồn nhân lực chất lượng cao, có vai trò đặc biệt quan trọng trong phát triển kinh tế. Nhân lực khoa học và công nghệ làm trong các tổ chức nghiên cứu và phát triển là 31.794 người; trong các cơ sở giáo dục đại học, cao đẳng là 95.501 người; các tổ chức dịch vụ khoa học và công nghệ là 4.700 người; các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp khác là 22.092 người và trong các doanh nghiệp là 33.211 người. Trong đó, Việt Nam có hơn 15.000 giáo sư và phó giáo sư; số cán bộ có trình độ tiến sĩ là 24.464; số cán bộ có trình độ thạc sĩ là 65.734; số cán bộ có trình độ đại học là 57.788 và 8.602 cán bộ có trình độ cao đẳng⁽⁶⁾. Các con số trên cho thấy Việt Nam đang sở hữu một nguồn nhân lực có trình độ khá dồi dào về số lượng, không thua kém các nước trong khu vực. Đây có thể coi là một lợi thế trong việc ổn định sản xuất và quản lý lao động của quốc gia.

Bộ Giáo dục và Đào tạo cho biết năm học 2021 - 2022 cả nước có trên 2 triệu sinh viên đang theo học đại học. Quy mô đào tạo sau đại học cũng tăng gấp 1,5 lần trong giai đoạn 2011 - 2021, với 118 cơ sở đào tạo trình độ tiến sĩ và 120 cơ sở đào tạo trình độ thạc sĩ⁽⁷⁾. Điều này chứng tỏ trong những năm qua, giáo dục đại học và trên đại học của Việt Nam đã có những thay đổi lớn, góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực của đất nước.

Chất lượng nguồn nhân lực của Việt Nam ngày

càng được nâng cao còn thể hiện qua các chỉ số về con người: chỉ số vốn nhân lực (HCI) năm 2022 của Việt Nam là 0,6903 điểm, là một trong các nước ở khu vực Đông Á - Thái Bình Dương có điểm cao nhất về chỉ số vốn nhân lực (Theo Ngân hàng Thế giới)⁽⁸⁾; Chỉ số phát triển con người (HDI) năm 2022 của Việt Nam là 0,726 tăng gần 50% so với năm 1990, và năm 2023 tiếp tục tăng đạt 0,746⁽⁹⁾. Vào những năm 1990 khi UNDP đưa ra chỉ số phát triển con người HDI, Việt Nam ở vị trí tương đối thấp trong bảng xếp hạng nhưng đến nay Việt Nam đang ở giữa bảng xếp hạng và liên tục tiến bộ trong 30 năm qua. Việt Nam vẫn là quốc gia có mức phát triển con người cao trong suốt những năm khó khăn của đại dịch Covid - 19. Phát triển con người tiếp tục là trọng tâm trong chiến lược phát triển của đất nước.

Về mặt thể lực, vài thập kỷ gần đây chiều cao của người Việt đã có những sự thay đổi mạnh mẽ. Từ top 10 quốc gia thấp lùn nhất thế giới, người Việt đã vươn lên vị trí 153 trên tổng số 201 quốc gia vùng lãnh thổ trên toàn thế giới. Theo số liệu của cuộc tổng điều tra toàn quốc năm 2020 cho thấy chiều cao trung bình của thanh niên Việt Nam đạt 168,1cm với nam giới, và nữ đạt 156,2cm⁽¹⁰⁾. Với chiều cao mới này, ở khu vực Đông Nam Á, người Việt cao hơn Indonesia, Campuchia, Lào và Đông Timor. Việt Nam vào top 4 của khu vực Đông Nam Á về chiều cao, chỉ còn kém hơn so với Singapore, Malaysia và Thái Lan.

Về mặt tâm lực, cần cù, siêng năng, sáng tạo, kiên trì và ham học hỏi trong lao động là một trong những giá trị đạo đức nổi bật và phẩm chất đáng quý của lao động Việt Nam. Họ không ngừng nỗ lực để nâng cao năng lực chuyên môn, đặc biệt lao động Việt gần gũi, chan hòa, thân thiện và sẵn sàng hỗ trợ đồng nghiệp cùng nhau hoàn thành công việc. Họ cũng không ngại ngại đối mặt với những thách thức và khó khăn mà công việc đưa ra. Sự kiên nhẫn và sự chịu khó giúp lao động Việt vượt qua những giai đoạn khó khăn, nâng cao khả năng giải quyết vấn đề.

Mặc dù đã có những bước tiến đáng kể cả về

lượng và chất, tuy nhiên nguồn nhân lực Việt Nam vẫn đang còn tồn tại những vấn đề bất cập đặc biệt là nguồn nhân lực chất lượng còn thiếu về số lượng, hạn chế về chất lượng, cơ cấu nhân lực còn nhiều điều bất cập, mất cân đối trên nhiều mặt.

Nguồn nhân lực chất lượng cao thiếu về mặt số lượng: sự gia tăng dân số kéo theo số lượng nguồn nhân lực trong độ tuổi lao động tăng trưởng mạnh. Tuy nhiên, số nhân lực đạt chất lượng cao, đáp ứng được nhu cầu sử dụng của các tổ chức vẫn còn hạn chế. Lao động có trình độ, có kỹ năng nghề cao thiếu, phần lớn là những lao động có tay nghề không ổn định, thấp, hoặc thậm chí là không có tay nghề, khi được tuyển dụng họ chưa được đào tạo qua khóa đào tạo nào cho vị trí nghề nghiệp họ ứng tuyển, nhiều lao động đến với nghề theo kiểu "học mót, học lóm" học kiểu truyền kinh nghiệm từ người đi trước. Điều này thể hiện ở số lượng lao động có trình độ, kỹ năng nghề cao còn thấp. Hiện nay, trong tổng số 52,4 triệu người từ 15 tuổi trở lên thuộc lực lượng lao động của cả nước, chỉ có 14,3 triệu người đã được đào tạo (trình độ từ sơ cấp đến trên đại học), chiếm 27,2% tổng lực lượng lao động; riêng trình độ đại học và trên đại học chỉ có 12,7%⁽¹¹⁾. Số liệu này cho thấy mặc dù lượng cung lao động nước ta trẻ, dồi dào, nhưng nguồn nhân lực chất lượng cao thì lại còn mỏng. Hiện cả nước có hơn 38,1 triệu lao động (chiếm 72,8% lực lượng lao động) còn chưa qua đào tạo⁽¹²⁾.

Chất lượng nguồn cung lao động chưa đáp ứng nhu cầu của một thị trường lao động hiện đại, linh hoạt, bền vững và hội nhập. Các chỉ số thể hiện chất lượng nguồn nhân lực của Việt Nam còn ở mức thấp so với các nước trong khu vực và trên thế giới. Theo đánh giá của WB, chất lượng nguồn nhân lực Việt Nam chỉ đạt 3,79 điểm (trong thang điểm 10), xếp vị trí 11 trong số 12 quốc gia được khảo sát tại châu Á, trong khi Hàn Quốc đạt 6,91 điểm, Ấn Độ đạt 5,76 điểm, Malaysia đạt 5,59 điểm. Năng suất lao động của Việt Nam cũng thuộc nhóm cuối ở Đông Nam Á, chỉ cao hơn Campuchia, Myanmar và Lào, thấp hơn Philip-

pines, Indonesia, Thái Lan và thấp hơn rất nhiều so với Malaysia, Singapore. Về kỹ năng của lao động, Việt Nam đứng thứ 116/141 nước về kỹ năng của học sinh tốt nghiệp, thấp hơn nhiều so với một số nước trong khu vực như Singapore (thứ 79)⁽¹³⁾.

Số lượng lao động đã qua đào tạo trong tổng số lao động cả nước thấp nhưng ngay chính các lao động đã được qua đào tạo chất lượng nhìn chung cũng chưa cao. Theo số liệu thống kê gần đây, có tới 63% sinh viên tốt nghiệp đại học chưa có việc làm, các sinh viên có việc làm cũng không đáp ứng được yêu cầu của công việc, nhà sử dụng lao động thường phải mất một vài năm đầu để đào tạo lại. Sinh viên tại các trường đại học, cao đẳng ra trường thường thiếu kỹ năng, đào tạo chưa gắn liền trực tiếp với ngành nghề cụ thể, kiến thức còn mang nặng tính lý thuyết, hàn lâm. Thị trường lao động của ta đang rơi vào tình trạng lao động thất nghiệp do không đáp ứng được yêu cầu của nhà tuyển dụng, còn các doanh nghiệp có nhu cầu tuyển dụng nhân lực nhiều nhưng tỷ lệ tuyển dụng được qua các trường đào tạo chỉ 1 - 2%, khi tuyển dụng chỉ có 14% ứng viên đáp ứng đầy đủ các yêu cầu về chuyên môn, kỹ năng mềm và thái độ mà nhà tuyển dụng đặt ra⁽¹⁴⁾. Thực tế, nhiều ngành nghề như logistics, kho bãi, kinh tế chia sẻ... rất khó tuyển dụng trong khi các cơ sở đào tạo thì chương chưa sát thực tế với sự phát triển của công nghệ. Vì vậy, vấn đề cấp bách đặt ra đối với lao động Việt hiện nay là phải có những giải pháp tăng cường năng lực chuyên môn kỹ thuật, các tổ chức, doanh nghiệp cần phải có sự đào tạo nhân sự nội bộ.

Về thể lực của người lao động Việt Nam tuy có sự cải thiện trong thời gian gần đây, nhưng nhìn chung nguồn nhân lực Việt Nam có vóc dáng nhỏ bé. Với các chỉ số thể lực này, ngay cả khi các doanh nghiệp, tập đoàn muốn đầu tư cơ sở vật chất kỹ thuật tiên tiến thì người lao động cũng gặp không ít khó khăn trong sử dụng và vận hành máy móc, thiết bị hiện đại có kích cỡ lớn.

Một trong các yếu điểm của lao động Việt Nam là tính kỷ luật của lao động chưa cao. Lao động Việt Nam phần lớn vẫn xuất thân từ nông thôn vì

thể người lao động mang nặng tác phong sản xuất của một nền nông nghiệp tiểu nông, chưa được trang bị các kiến thức và kỹ năng làm việc nhóm. Mặt khác, trong môi trường làm việc có yếu tố nước ngoài, ngoại ngữ luôn là điểm yếu của lao động Việt Nam.

Cơ cấu lao động chưa hợp lý cả về trình độ, về ngành nghề và về phân bố theo khu vực đây là một trong những hạn chế lớn của nguồn nhân lực chất lượng cao hiện nay. Về cơ cấu trình độ chúng ta đang rơi vào tình trạng "thừa thầy, thiếu thợ" do lao động qua đào tạo đại học và sau đại học chiếm tỷ lệ lớn nhất và gia tăng nhanh chóng, trong khi nền kinh tế thiếu trầm trọng đội ngũ lao động chuyên môn kỹ thuật có trình độ cao đẳng và trung cấp. Việc phân bố nguồn lao động chất lượng cao, có sự chênh lệch lớn giữa thành thị và nông thôn, giữa các vùng kinh tế. Năm 2023, tỷ lệ lao động từ 15 tuổi trở lên đã qua đào tạo tập trung ở thành thị là 42%, nông thôn là 18,4%. Xét theo vùng, tỷ lệ lao động chất lượng cao tập trung ở các thành phố, tỉnh thành, vùng đồng bằng sông Hồng là 37,8% như Hà Nội lên đến 50,8% trong khi vùng Đồng bằng sông Cửu Long chỉ có 15,3%⁽¹⁵⁾. Khi xem xét nguồn gốc tăng trưởng năng suất lao động từ hai yếu tố là gia tăng năng suất lao động nội ngành và di chuyển lao động giữa các ngành, thực tế bất hợp lý về cơ cấu nói trên là nguyên nhân dẫn đến năng suất lao động của Việt Nam vẫn ở mức tương đối thấp so với các nước trong khu vực và tốc độ tăng trưởng năng suất lao động đang có xu hướng chững lại. Một điểm đáng lưu ý theo GS, TS Trần Thọ Đạt, thành viên Tổ tư vấn kinh tế của Thủ tướng: "Từ nay đến năm 2035, Việt Nam sẽ phải đối mặt với cơ cấu dân số biến động rất mạnh: tỷ trọng dân số trên 65 tuổi sẽ tăng từ 6,7% năm 2015 lên 14,4% năm 2035, biến nước ta từ một xã hội dân số trẻ thành xã hội dân số già và số người trong độ tuổi lao động bắt đầu giảm tuyệt đối ngay sau năm 2035"⁽¹⁶⁾. Bộ Y tế cũng đưa ra dự báo đến năm 2038, Việt Nam bước vào thời kỳ dân số già, chuyển từ xã hội "già hóa" sang xã hội "già". Hệ quả của sự biến động dân số này làm cho một

trong những động lực chính thúc đẩy tăng trưởng thu nhập sẽ yếu đi, và càng đặt ra yêu cầu cao hơn phải tăng cường đầu tư chiều sâu cho vốn con người và các nhân tố đẩy mạnh tăng trưởng năng suất khác nếu muốn duy trì tốc độ tăng trưởng cao.

Có nhiều nguyên nhân dẫn đến hạn chế của nguồn nhân lực hiện nay trong đó có cả yếu tố chủ quan và khách quan nhưng chúng ta phải thẳng thắn nhìn vào thực trạng chất lượng nguồn nhân lực Việt Nam đang thiếu hụt không đáp ứng được nhu cầu sử dụng của các tổ chức, doanh nghiệp. Lực lượng lao động quan trọng nhất trong nguồn lao động chất lượng cao là đội ngũ nhân lực khoa học công nghệ vừa thiếu, vừa yếu và có sự mất cân đối về cơ cấu lao động qua đào tạo giữa giáo dục đại học và giáo dục nghề nghiệp.

3. Một số giải pháp đổi mới nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế tri thức Việt Nam trong thời gian tới

Trong thời đại kinh tế tri thức làm chủ, thời cơ và thách thức đối với nguồn nhân lực của một quốc gia luôn đan xen nhau lẫn nhau và Việt Nam cũng không nằm ngoài quy tắc đó. Toàn cầu hóa, hội nhập, kinh tế tri thức phát triển sẽ giúp Việt Nam thu hút được nhiều nguồn đầu tư từ nước ngoài bởi chúng ta có lợi thế lớn về nguồn nhân lực, cơ cấu lao động trẻ. Có sự đầu tư từ các doanh nghiệp nước ngoài cùng với các trang thiết bị máy móc hiện đại, công nghệ tiên tiến chúng ta sẽ thu hẹp khoảng cách về năng suất lao động, tăng trưởng kinh tế và phát triển xã hội với các nước phát triển trên thế giới. Song để nguồn nhân lực đáp ứng được yêu cầu từ các nhà tuyển dụng nhất là các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, đòi hỏi người lao động phải có kỹ năng nghề cao, có năng lực làm việc trong môi trường quốc tế với những tiêu chí, tiêu chuẩn cao, khắt khe và nghiêm ngặt điều đó đòi hỏi chúng ta phải cải thiện chất lượng giáo dục và đào tạo. Trong giai đoạn tiếp theo Việt Nam cũng sẽ phải đối mặt với vấn đề già hóa dân số; sự suy giảm về lợi thế cạnh tranh trong một số ngành hay khả năng thích ứng với thay đổi, ý thức, tác phong làm việc đều là những thách thức không

nhỏ đối với lao động Việt Nam.

Từ thực trạng nguồn nhân lực chất lượng cao của Việt Nam hiện nay và xu thế phát triển chung trên thế giới, cho thấy những giải pháp sau đây góp phần thúc đẩy phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao cho nền kinh tế tri thức của đất nước thời gian tới.

Nhóm giải pháp về tổ chức, quản lý

Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, nâng cao hiệu quả quản lý của Nhà nước, nhằm phát triển nguồn nhân lực cao trong nền kinh tế tri thức

Trước yêu cầu của phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn mới, đặc biệt là việc thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ XIII của Đảng về Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021 - 2030, việc tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong phát triển nguồn nhân lực là một trong những nhiệm vụ trọng tâm. Sự chỉ đạo, định hướng của Đảng, công tác tổ chức, quản lý Nhà nước là yếu tố có ý nghĩa quyết định trong kiến tạo phát triển nguồn nhân lực, đảm bảo sự đồng bộ trong phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao. Đảng và Nhà nước cần có hoạch định chiến lược, kế hoạch, giải pháp xây dựng và phát triển nguồn nhân lực trong từng giai đoạn phù hợp với xu thế phát triển của thế giới, đồng thời phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của nước ta, bởi mỗi giai đoạn cách mạng cần có nguồn nhân lực chất lượng cao tương ứng với yêu cầu, nhiệm vụ của giai đoạn đó.

Chính phủ giữ vai trò chủ đạo trong việc xây dựng chiến lược, cung cấp thông tin đầy đủ cho người lao động về các xu hướng và nhu cầu của thị trường lao động, cần có sự phối hợp chặt chẽ với cả khu vực tư nhân. Đẩy mạnh dự báo nhu cầu về lao động để có những chiến lược đào tạo phù hợp tránh trường hợp lao động thì thất nghiệp trong khi tổ chức thì không tuyển dụng được lao động.

Tiếp tục hoàn thiện cơ chế, thể chế xây dựng hành lang pháp lý, tạo môi trường thuận lợi, lành mạnh cho phát triển và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực cao

Công tác phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao và từng bước hoàn thiện cơ chế, chính sách

trong thu hút, trọng dụng nhân tài luôn được Đảng, Nhà nước ta quan tâm. Tuy nhiên, để công tác đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực chất lượng cao thực sự có hiệu quả, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ cần tiếp tục hoàn thiện hệ thống pháp luật và có những cơ chế, chính sách phù hợp. Hệ thống văn bản này sẽ tạo hành lang pháp lý thuận lợi và tạo động lực cho việc thúc đẩy phát triển nguồn nhân lực cả về số lượng và chất lượng. Chúng ta cũng cần có những chính sách chuyên biệt trong việc đãi ngộ, nuôi dưỡng và thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao được đào tạo trong nước và nước ngoài, thu hút và khuyến khích nguồn nhân lực trình độ cao từ các nước phát triển và du học sinh trở về để giải quyết các bài toán phát triển của Việt Nam. Chính sách thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao phải được thực hiện liên tục, thống nhất, công bằng, khách quan, có tính đến đặc điểm và điều kiện đặc thù của các ngành, lĩnh vực và địa phương. Cùng với đó, chú trọng công tác đánh giá, khen thưởng và chế độ đãi ngộ xứng đáng trong thực hiện nhiệm vụ, mang lại hiệu quả cho cơ quan, đơn vị.

Đẩy mạnh tuyên truyền, nâng cao nhận thức trong toàn xã hội về phát triển và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực chất lượng cao

Trong các nguồn lực thì nguồn nhân lực chất lượng cao luôn là tài nguyên quý giá nhất của đất nước. Nguồn nhân lực chất lượng cao quyết định quá trình tăng trưởng và phát triển kinh tế - xã hội của mỗi quốc gia. Vì vậy, cần phải tuyên truyền để toàn xã hội trong đó mỗi người dân nhận thức đúng đắn hơn nữa về vị trí, vai trò của nguồn nhân lực chất lượng cao. Qua đó tạo ra sự chuyển biến mạnh về nhận thức ở tất cả các tầng lớp từ Trung ương đến địa phương.

Đối với người làm công tác lãnh đạo, quản lý cần đề cao trách nhiệm người đứng đầu các cơ quan, đơn vị trong việc thực hiện thu hút, trọng dụng và đãi ngộ nhân tài. Cần đổi mới tư duy từ trong khâu ưu tiên chiến lược phát triển nguồn lao động chất lượng cao đến khâu sử dụng, đánh giá và đãi ngộ nhân lực.

Đẩy mạnh công tác xã hội hóa giáo dục và đào

tạo, phát huy vai trò giám sát của cộng đồng để toàn xã hội tham gia vào công tác giáo dục đào tạo. Mỗi cá nhân luôn nỗ lực không ngừng nghỉ nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ để trở thành một tế bào cấu thành nên nguồn nhân lực chất lượng cao.

Nhóm giải pháp về chuyên môn, nghiệp vụ

Đổi mới chất lượng giáo dục và đào tạo, đặc biệt là giáo dục đại học

Giáo dục và đào tạo chính là một trong những yếu tố quyết định chất lượng nguồn nhân lực, là yếu tố cơ bản nhất đưa đến thành công của mỗi quốc gia. Để có được nguồn nhân lực chất lượng cao đủ trình độ, năng lực đáp ứng yêu cầu của thời kỳ phát triển mới, Việt Nam cần coi giáo dục và đào tạo thực sự là quốc sách hàng đầu. Đầu tư cho giáo dục chính là đầu tư cho phát triển. Thường xuyên đổi mới nội dung, chương trình đào tạo trong các nhà trường, chuẩn hóa đội ngũ cán bộ giảng viên trong các trường đại học theo hướng chuẩn hóa, hiện đại và hội nhập quốc tế. Chú trọng trang bị các kỹ năng mềm cho người học; đẩy mạnh công tác hướng nghiệp ngay từ bậc học phổ thông giúp người học có định hướng đúng đắn, từ đó xác định động cơ và học tập rõ ràng. Chúng ta cần chủ động trong công tác đào tạo nguồn nhân lực về chuyển đổi số để có thích ứng, nắm bắt và vận dụng những tri thức mới trong nền kinh tế tri thức như hiện nay vào trong lao động sản xuất.

Thực hiện liên kết giữa các cơ sở đào tạo nhân lực và tổ chức sử dụng nhân lực

Trong những năm gần đây, liên kết giữa trường đại học và doanh nghiệp chính là lời giải cho bài toán chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng nhu cầu thực tiễn, nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, giúp sinh viên ra trường có thể đáp ứng ngay các yêu cầu của doanh nghiệp, giảm thiểu thời gian phải đào tạo thêm, đào tạo lại, qua đó chỉ rõ trách nhiệm của các trường cũng như doanh nghiệp để quá trình liên kết ngày càng đi vào thực chất và có hiệu quả. Việc doanh nghiệp cùng tham gia vào việc xây dựng chương trình đào tạo, tổ chức đào tạo và đánh giá người học, định hướng nghề nghiệp cho

sinh viên, đưa sinh viên đến các doanh nghiệp thực tập và sử dụng sinh viên tốt nghiệp là bước đi cụ thể trong việc thực hiện triết lý giáo dục và khẳng định trách nhiệm của trường đại học đối với người học và xã hội, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo và hiệu quả sử dụng nguồn lực xã hội.

Trường đại học cần dịch chuyển quá trình đào tạo từ tiếp cận nội dung sang đào tạo theo tiếp cận năng lực với định hướng đáp ứng nhu cầu xã hội. Trong liên kết đào tạo giữa trường đại học và doanh nghiệp, trường đại học cần xác định vai trò là đơn vị chủ trì, doanh nghiệp đóng vai trò là đơn vị phối hợp, chịu trách nhiệm tham gia tổ chức, quản lý, phục vụ cho quá trình đào tạo, sử dụng sản phẩm đào tạo... Sự liên kết chặt chẽ giữa trường đại học và doanh nghiệp cần được thực hiện theo cơ chế linh hoạt và mềm dẻo, mang lại lợi ích thiết thực, giá trị lâu dài cho các bên tham gia.

Sắp xếp, tổ chức lại mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp

Cần sắp xếp mạng lưới giáo dục nghề nghiệp theo hướng mở, linh hoạt, dễ tiếp cận, hiện đại, đa dạng về loại hình và hình thức tổ chức, phân bổ hợp lý cả về cơ cấu ngành, vùng miền, đáp ứng nhu cầu về đào tạo nhất là nhân lực công nghệ cao. Đồng thời, bảo đảm quy mô, cơ cấu ngành nghề đào tạo cho phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Hiện nay, đã có một số cơ sở giáo dục nghề nghiệp đào tạo lại và đào tạo thường xuyên lực lượng lao động. Một bộ phận lực lượng lao động qua quá trình làm việc có thể trình độ chưa đáp ứng được nhu cầu sẽ được đào tạo lại và đào tạo thường xuyên hơn. Tập trung nâng cao chất lượng, hiệu quả nghề nghiệp nhằm xây dựng đội ngũ lao động lành nghề và đáp ứng được nhu cầu về nhân lực khi Việt Nam phát triển như hiện nay chủ động tham gia vào thị trường đào tạo nhân lực quốc tế.

Nhóm giải pháp hỗ trợ xây dựng và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao

Thúc đẩy hợp tác quốc tế để tăng cường tiềm lực khoa học và công nghệ tạo điều kiện thúc đẩy nền kinh tế tri thức phát triển

Trong bối cảnh cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0 phát triển mạnh mẽ, tác động sâu rộng đến mọi lĩnh vực đời sống xã hội, cùng với việc sử dụng các tiềm năng khoa học công nghệ trong nước, sử dụng hợp lý các thành tựu khoa học và công nghệ tiên tiến của các nước trên thế giới cũng là một nhân tố làm quá trình chuyển đổi cơ cấu kinh tế, xây dựng nền kinh tế tri thức nhanh hơn. Thúc đẩy hợp tác quốc tế để tăng cường tiềm lực khoa học và công nghệ là một trong những hướng đi tất yếu đầu tiên tạo nền tảng để phát triển nền kinh tế tri thức.

Các mối quan hệ hợp tác trong lĩnh vực khoa học và công nghệ cần được điều chỉnh theo hướng đa dạng hóa, đa phương hóa. Tiếp tục duy trì các mối quan hệ hợp tác truyền thống trước đây với Nga, các nước Đông Âu...; đồng thời thiết lập và phát triển các mối quan hệ hợp tác mới. Ngày nay, các nhà khoa học Việt Nam đã tiếp thu, ứng dụng và từng bước làm chủ một số công nghệ tiên tiến, hiện đại rút ngắn thời gian nghiên cứu trong nước, phục vụ có hiệu quả phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng và an ninh; đồng thời, góp phần đào tạo nguồn nhân lực, nâng cao trình độ nghiên cứu và quản lý của đội ngũ cán bộ khoa học và công nghệ trong nước, tiếp cận trình độ quốc tế, góp phần nâng cấp hạ tầng kỹ thuật, tăng cường cơ sở vật chất cho một số cơ sở nghiên cứu.

Đẩy mạnh phát triển y tế chăm lo và đảm bảo tốt sức khỏe cho người dân là cơ sở để nâng cao thể lực cho nguồn nhân lực chất lượng cao

Như đã nêu, mặc dù đã được cải thiện nhiều về vóc dáng nhưng lao động Việt Nam hiện vẫn là thể lực thấp bé, sức bền không cao. Đặc điểm công nghiệp hóa, hiện đại hóa gắn với nền kinh tế tri thức là quá trình lao động cường độ cao, cạnh tranh gay gắt nên yêu cầu phải có sức khỏe tốt nên đây chính là một cản trở lớn đối với người lao động Việt Nam. Để thực hiện được mục tiêu này phải nâng cao năng lượng và cải thiện cơ cấu dinh dưỡng bữa ăn; phát triển thể dục thể thao; phát triển y tế dự phòng rộng khắp. Nâng cao chất lượng khám chữa bệnh cho người dân; đầu tư về đội ngũ cán bộ y tế, cơ sở vật chất của ngành y tế

nhằm phục vụ tốt nhất nhu cầu về thông tin và chăm sóc sức khỏe cho nhân dân. Đẩy mạnh các hoạt động vệ sinh môi trường, cung cấp nước sạch và vệ sinh an toàn thực phẩm□ nhằm nâng cao hơn nữa đến chất lượng con người và chất lượng cuộc sống, có nghĩa là phải nuôi dưỡng về vật chất và tinh thần của con người, bảo đảm có thể lực dồi dào, có trí tuệ minh mẫn.

Đẩy mạnh phát triển khoa học và công nghệ, xây dựng kết cấu hạ tầng thông tin đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế tri thức

Khoa học và công nghệ giữ vai trò then chốt trong phát triển lực lượng sản xuất, phân bổ lại lực lượng lao động; nâng cao trình độ quản lý, tăng sức cạnh tranh của sản phẩm hàng hoá, bảo đảm an sinh xã hội và bảo vệ môi trường - sinh thái, bảo đảm chất lượng và tốc độ phát triển kinh tế; góp phần tích cực trong đấu tranh bảo vệ chủ quyền của đất nước□ Do vậy, cần xây dựng đồng bộ cơ sở hạ tầng kỹ thuật, đến nguồn nhân lực đủ trình độ chuyên môn kỹ thuật để vận hành và sử dụng hiệu quả công nghệ thông tin.

Phát triển khoa học và công nghệ bảo đảm tính đồng bộ, khả thi, vừa đáp ứng được các yêu cầu lâu dài, vừa có trọng tâm và các khâu đột phá chiến lược cần ưu tiên thực hiện. Mặt khác, khoa học và công nghệ phải đi trực tiếp vào xây dựng năng lực cạnh tranh cho các doanh nghiệp, góp phần tạo ra các sản phẩm có hàm lượng sáng tạo cao để tăng tính cạnh tranh.

Quan tâm phát triển lao động ở khu vực phi chính thức

Nguồn nhân lực đang hoạt động trong khu vực phi chính thức chưa được quan tâm đào tạo nhiều, lao động đã bị thất nghiệp cần được tư vấn để được đào tạo lại để quay trở lại làm việc, hay người lao động có nguy cơ bị thất nghiệp cũng cần được quan tâm, tránh việc thất nghiệp. Bên cạnh đó, đẩy mạnh hỗ trợ kỹ thuật cho doanh nghiệp, người sử dụng lao động thông qua nâng cao năng lực phát triển các quy trình, công cụ thu thập, cập nhật và tổng hợp dữ liệu, thông tin về quy trình đào tạo nghề nghiệp.

Đất nước đang đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, để đạt được những mục tiêu lớn có ý nghĩa lịch sử như trong nghị quyết khóa XIII của Đảng đã xác định thì tất yếu phải phát triển nền kinh tế tri thức xây dựng nguồn nhân lực chất lượng cao. Bởi nguồn nhân lực chất lượng cao là tài nguyên vô giá, vô tận, nhân tố quyết định thành công của sự nghiệp đổi mới. Đây là nhân tố bảo đảm cho sự phát triển phồn vinh, bền vững của đất nước. Việc thực hiện đồng bộ tất cả các giải pháp nêu trên để xây dựng và phát triển nguồn nhân lực cao là tiền đề để Việt Nam có bước phát triển đột phá về kinh tế - xã hội, đưa đất nước tiến đến một nền kinh tế tri thức phát triển trong thời gian không xa./.

(1) Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, T.1, tr.217 - 218.

(2) Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*. Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

(3), (4), (5), (11), (12) Tổng cục Thống kê, Niên giám thống kê năm 2023, <https://www.gso.gov.vn/wp-content/uploads/2024/06/NG-TONG-CUC-2023-Final.pdf>.

(6) Bộ Khoa học và Công nghệ, Kết quả cuộc điều tra Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ năm 2022, https://vista.gov.vn/vn/uploads/thong-ke-kh-cn/2024_07/so-lieu-ncpt_2022.pdf.

(7) Nhật Hồng, Những con số phát triển của giáo dục đại học Việt Nam, <https://daibieunhandan.vn/bai-1-nhung-con-so-phat-trien-cua-giao-duc-dai-hoc-viet-nam-post348383.html>

(8), (9), (10) Nguyễn Thúy Quỳnh, Chất lượng nguồn nhân lực của Việt Nam https://mof.gov.vn/webcenter/portal/vclvc-stc/pages__r/l/chi-tiet-tin?dDocName=MOFUCM212408.

(13) Ngân hàng Thế giới, <https://data.worldbank.org/country/VN>

(14) Nguyễn Trang/VOV.VN, Nhiều ngành nghề doanh nghiệp tìm ứng viên (đỏ mắt□nhưng lại ít trường đào tạo, <https://baomoi.com/nhieu-nganh-nghe-doanh-nghiep-tim-ung-vien-do-mat-nhung-lai-it-truong-dao-tao-c50228045.epi>.

(16) Hồng Hạnh, *Vì sao nguồn nhân lực Việt Nam còn nhiều hạn chế?*, <https://daibieunhandan.vn/vi-sao-nguon-nhan-luc-viet-nam-con-nhieu-han-che-post302374.html>.